

Bản án số: 66/2024/HC-PT

Ngày: 27-02-2024

V/v: “*Kiến Quyết định hành
chính về thu hồi, bồi thường, hỗ
trợ khi thu hồi đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Võ Ngọc Thông**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Tấn Long**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Lê Phước Thanh** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 271/2023/TLPT-HC ngày 01 tháng 11 năm 2023 về “*Kiến Quyết định hành chính về thu hồi, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*” Do Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 121/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Hoàng Thị Thu L, sinh năm 1956.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: ông Trần Thanh B, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trần Thanh M – Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh P. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn An P – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Có mặt.

2. UBND thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: bà Nguyễn Thị Xuân Đ – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P. Có mặt.

2. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Thành N – Nhân viên. Có mặt.

3. Ủy ban nhân dân phường I, thành phố T.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trần Thị Ngọc B1-Công chức. Có mặt.

4. Ông Trần Thanh B, sinh năm 1968. Có mặt.

5. Ông Trần Thanh T, sinh năm 1991. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Bà Trần Thị Kim H; sinh năm 1993. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu phố N, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên.

- Người kháng cáo: bà Hoàng Thị Thu L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/4/2023 và trong quá trình tố tụng người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Trần Thanh T thống nhất trình bày:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 730504 của UBND thị xã T (nay là UBND thành phố T) cấp cho bà Hoàng Thị Thu L 02 (hai) thửa đất nông nghiệp (trồng lúa nước) với tổng diện tích là 1.440m²: cụ thể: Thửa số 500 (nay là thửa số 240) có diện tích là 1.124m²; Thửa số 137 có diện tích là 316m².

Tại thời điểm cấp đất sản xuất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì hộ bà Hoàng Thị Thu L có 03 khẩu: bà Hoàng Thị Thu L, sinh năm 1956; ông Trần Thanh T, sinh năm 1991; bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố N, Phường I, thành phố T.

Tại thời điểm cấp đất theo Nghị định 64/CP cho bà Hoàng Thị Thu L và cho đến nay thì ông Trần Thanh B (chồng bà L) chưa có giấy đăng ký kết hôn, chưa nhập khẩu với hộ gia đình bà L.

Ngày 27/10/2022, bà L nhận được Thông báo thu hồi đất số 2214/TB-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích thửa đất số 240 (thửa cũ là thửa số 500), thuộc tờ bản đồ địa chính số 235D có phiếu xác nhận kết quả đo đạc kèm theo là 1.073,5m².

Ngày 07/4/2023, bà L nhận được Quyết định thu hồi đất số 1876/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của U. Theo quyết định này phần diện tích thu hồi giảm so với diện tích được cấp là 50,5m² (1.124m² – 1.073,5m²) nhưng bà L đồng ý và không có khiếu nại, thắc mắc gì về quyết định thu hồi đất để xây dựng dự án đường C - N.

Trung tâm Phát triển quỹ đất có gửi cho bà Lý B2 tính chi tiết (dự thảo) giá trị phần bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L. Vì có một số nội dung tính chưa đúng nên ngày 03/01/2023 bà L có đơn đề nghị xem xét lại Bảng tính chi tiết (dự thảo) này.

Ngày 07/4/2023, bà L nhận được Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 06/4/2023, kèm theo Bảng tính chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị T1 Lý ngày 17/3/2023.

So với dự thảo, phần Quyết định giá trị bồi thường, hỗ trợ tái định cư chỉ điều chỉnh chuẩn Hộ khẩu nghèo từ 1.500.000 đồng, lên 2.000.000 đồng. Bà L nhận thấy, Quyết định số 1926/QĐ-UBND Tp.Tuy Hòa chưa đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà L, cụ thể như sau:

+ Một là, giá trị bồi thường: theo Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 xác định thửa đất thu hồi của bà L là thửa số 240, đất LUC, VT1 nhưng lại xác định đơn giá 58.000 đồng/1m² là không đúng với giá đất của UBND tỉnh P quy định tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 là 70.000 đồng/m² (áp dụng cho 05 năm 2020 - 2024).

+ Hai là, phần giá trị hỗ trợ đối với hộ nghèo theo Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND của UBND tỉnh P thì xác định hộ nghèo có 02 nhân khẩu là không đúng với Giấy chứng nhận hộ nghèo số 37/GCN-HN-HCN của I cấp ngày 04/01/2022 đã xác định danh sách thành viên trong hộ nghèo là 03 nhân khẩu. Mặt khác, tại phần B mục I của Bảng tính chi tiết này xác định hộ gia đình bà L có 03 nhân khẩu phù hợp với giấy chứng nhận hộ nghèo và Giấy xác nhận hộ nghèo số 0032 GCN-HN.HCN ngày 04/01/2023 đã xác định danh sách thành viên trong hộ nghèo là 03 nhân khẩu (Hoàng Thị Thu L, Trần Thanh B, Trần Thanh T).

- Đối với Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh P về việc Phê duyệt giá đất cụ thể.

Tại quyết định này đã căn cứ Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND về việc ban hành Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên 05 năm (2020-2024). Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND quy định giá đất và vị trí đất thu hồi đối với trường hợp của hộ gia đình bà là 70.000 đồng/1m². Trong khi đó, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 điều chỉnh mức giá đất (phê duyệt) để bồi thường là không đúng với điểm đ khoản 4 Điều 114 Luật đất đai.

Tại Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P có phụ lục kèm theo xác định vị trí đất thu hồi của gia đình bà L là VT1 và thửa đất số 240 từ đơn giá 70.000 đồng/1m², phê duyệt giá bồi thường là 58.000 đồng/1m². Do đó, Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P không hợp pháp về giá đất, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà là đối tượng khởi kiện như Án lệ Hành chính số 10/2016/AL của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố và áp dụng.

Người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Hủy một phần Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025, đoạn qua địa bàn thành phố T (*viết tắt là Quyết định số 1546*);

+ Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L trúng giải tỏa Dự án: Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021- 2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố T), tại phường I, thành phố T (đợt 4) (*viết tắt là Quyết định số 1926*);

+ Hủy Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T về nội dung giá đất bồi thường, số nhân khẩu hộ nghèo để ban hành lại Bảng tính chi tiết đúng quy định của pháp luật.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh P **trình bày** (*Văn bản số 4273/UBND-NC ngày 17/8/2023*):

Thực hiện Quyết định số 909/QĐ-BGTVT ngày 13/7/2022 của Bộ G về phê duyệt Dự án. Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, UBND thành phố T có Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 27/10/2022 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án.

Căn cứ quy định tại Điều 4 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất; Chương II Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2 Quy định chi tiết phương pháp định giá đất, xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất thì có 05 phương pháp định giá đất, gồm: Phương pháp so sánh trực tiếp, phương pháp chiết trừ, phương pháp thu nhập, phương pháp thặng dư và phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất.

Trên địa bàn phường I có 192 thửa đất chuyên trồng lúa nước (LUC) bị ảnh hưởng dự án, trong đó bà Hoàng Thị Thu L bị ảnh hưởng thửa 240 diện tích 1.073,5m², Mạnh đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính số: 07/2022. UBND thành phố T (cơ quan tham mưu giá đất cụ thể để thực hiện Dự án) khảo sát, thu thập thông tin, xem xét điều kiện áp dụng các phương pháp định giá đất và chọn phương pháp thu nhập được quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP. Về trình tự, nội dung xác định giá đất theo phương pháp thu nhập thực hiện theo quy định tại Điều 5 Chương II Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT để định giá đất cụ thể đối với đất chuyên trồng lúa nước. Trên cơ sở thông tin thu thập tại Phiếu điều tra, UBND thành phố T tiến hành định giá đất cụ thể đối với 192 thửa đất chuyên trồng lúa nước thuộc vị trí 1 phường I, thành

phổ T theo quy định tại Điều 5 Chương II Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT (cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

Trên cơ sở kết quả điều tra, tổng hợp, phân tích thông tin về thửa đất và áp dụng phương pháp định giá đất; UBND thành phố T có báo cáo thuyết minh xây dựng phương án giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án được UBND tỉnh Phê duyệt tại Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc phê duyệt giá đất cụ thể (Phương án giá đất) làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án; trong đó có thửa đất số 240, mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số: 07/2022 của bà Hoàng Thị Thu L bị ảnh hưởng Dự án có giá đất cụ thể là 58.000 đồng/m².

Như vậy, UBND tỉnh phê duyệt giá đất cụ thể là đúng quy định pháp luật. Bà Hoàng Thị Thu L khởi kiện yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về việc phê duyệt giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án là không có cơ sở theo quy định pháp luật.

2. UBND thành phố T, *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện* UBND thành phố T *trình bày*:

- Đối với nội dung hủy một phần Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P về phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận thành phố T (viết tắt là Quyết định số 1546/QĐ-UBND) là không có cơ sở vì:

Căn cứ Quyết định số 525/QĐ-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố T;

Căn cứ Quyết định số 663/QĐ-UBND ngày 27/5/2022 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố;

Căn cứ Công văn số 2150/STNMT-QLĐĐ ngày 30/6/2022 của Sở T về việc hướng dẫn triển khai công tác định giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố T về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án: Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 (đoạn thuộc địa phận TP T) (viết tắt là kế hoạch số 280/KH-UBND);

Căn cứ Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số: 07/2022, hệ tọa độ VN-2000, Phường I, Tờ bản đồ địa chính: 253-D, 254-C, 277-B – Tỷ lệ: 1/2000; Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số: 05/2022, hệ tọa độ VN-2000, xã H, Tờ bản đồ địa chính: 229-B, 229-D, 253-B, 253-D – Tỷ lệ: 1/2000; Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số: 03/2022, hệ tọa độ VN-2000, xã B, Tờ bản đồ địa

chính: 229-A, 205-D, 206-A, 206-C – Tỷ lệ: 1/2000; Mẫu đo đạc chính lý bản đồ địa chính số: 06/2022, hệ tọa độ VN-2000, xã A, Tờ bản đồ địa chính: Tờ số 21 (455527-3), Tờ số 21 (528454-2), Tờ số 13 (458527-9), Tờ số 1– Tỷ lệ: **1/10000** Dự án Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố T) do công ty TNHH Đ1 đo vẽ, được Sở Tài nguyên và Môi trường ký thẩm định ngày 24/10/2022.

Căn cứ Thông báo số 51/HĐTĐG ngày 15/12/2022 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh Phú Yên Kết quả thẩm định giá đất cụ thể (phương án giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021 – 2025, đoạn qua địa bàn thành phố T và Biên bản họp thẩm định giá đất cụ thể ngày 14/12/2022 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể tỉnh.

Trên cơ sở các thửa đất được bồi thường, UBND thành phố đánh giá tình hình và kết quả điều tra, tổng hợp thông tin về giá đất thị trường và từ thông tin thu thập tại phiếu điều tra. Căn cứ điều kiện áp dụng phương pháp định giá đất quy định tại Điều 8 của Thông tư 36/2014/TT-BTNMT về lựa chọn phương pháp định giá đất. UBND thành phố T lựa chọn phương pháp so sánh trực tiếp, phương pháp chiết trừ và phương pháp thu nhập để tiến hành định giá đất.

Căn cứ kết quả xác định giá đất nêu trên, UBND thành phố T đề xuất phương án giá đất làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án: Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án thành phần đoạn C - V thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ Cao tốc Bắc – Nam phía Đông đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố T). Ngày 15/12/2022, UBND thành phố T có Tờ trình số 425/TTr-UBND và Báo cáo thuyết minh số 899/BC-UBND ngày 15/12/2022 đề nghị UBND tỉnh P thẩm định, phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất.

UBND tỉnh P ban hành Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 về phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa phận thành phố T là đúng quy định pháp luật.

Đối với nội dung hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị T1 Lý trùng giải tỏa Dự án thành phần đoạn C-V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn qua địa phận thành phố T), tại phường I, thành phố T (đợt D) là không có cơ sở vì:

- UBND thành phố Tuy Hòa ban hành Kế hoạch số 280/KH-UBND ngày 27/10/2022; Thông báo thu hồi đất số 2214/TB-UBND ngày 27/10/2022 đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L;

- Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố T phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành kiểm kê đất đai, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 240, tờ bản đồ số 253-D; Loại đất lúa nước 2 vụ; Diện tích 1.073,5 m² và vị trí thửa đất của hộ bà Hoàng Thị Thu L là vị trí 1.

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất hộ bà Hoàng Thị Thu L được UBND phường I xác định: Đất được Nhà nước cân đối theo Nghị định số 64/NĐ-CP và được UBND thị xã T (nay là UBND thành phố T) cấp GCNQSD đất số vào sổ 01665, ngày cấp 09/5/1998 tại thửa đất số 500, tờ bản đồ 253-D, Diện tích: 1.124,0m², Loại đất: Sản xuất nông nghiệp, chủ sử dụng: Hộ bà Hoàng Thị Thu L.

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng tại thửa đất số 240, theo Mảnh đo đạc chính lý bản đồ địa chính số 7/2022 do Công Ty TNHH Đ1 thực hiện được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh P kiểm tra, ký phê duyệt ngày 24 tháng 10 năm 2022. Tổng diện tích hiện trạng sử dụng là 1.073.5m²; Diện tích hiện trạng so với GCNQSD đất, chênh lệch giảm 50,5m² là do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác. Căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 12 Nghị định 47/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014. Đủ điều kiện bồi thường 1.073,5m², Lúa nước 2 vụ (LUC) và Tỷ lệ mất đất nông nghiệp: $(1.073,5\text{m}^2 / 1.440,0 - 50,5 = 1.389,5\text{m}^2) * 100\% = 77,25\%$.

Ngày 16/2/2023 I ban hành Công văn số 08/UBND phúc đáp Công văn số 21/PTQĐ ngày 09/02/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T có nội dung: *“Rà soát đối tượng hộ nghèo và cận nghèo cuối năm 2022 và hộ nghèo và cận nghèo phát sinh mới; Phạm vi hộ gia đình có hộ khẩu thường trú hoặc đã đăng ký tạm trú và sinh sống trên địa bàn theo Luật cư trú quy định hiện nay. Trường hợp hộ bà Hoàng Thị Thu L, sinh năm 1956; ông Trần Thanh B, sinh năm 1965; ông Trần Thanh T, sinh năm 1990 là đúng đối tượng được công nhận hộ nghèo 2023”*.

Theo điểm d Điều 17 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh P quy định: *“Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định tại điểm a và điểm b khoản này được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo trong 01 tháng theo thời giá bình quân do cơ quan có thẩm quyền ban hành tại thời điểm hỗ trợ. Số nhân khẩu của hộ gia đình xác định trên cơ sở Số hộ khẩu hoặc cơ sở dữ liệu về cư trú theo quy định của Luật Cư trú năm 2020 và thực tế đang thường trú tại địa phương được xác định tại thời điểm kiểm đếm lập phương án bồi thường. Nhân khẩu mới nhập khẩu sau ngày công bố thông báo thu hồi đất thì không được hỗ trợ”*. Tại thời điểm xác nhận nhân khẩu, qua kiểm tra hộ khẩu do gia đình cung cấp và hồ sơ quản lý của Công an thì ông Trần Thanh B không có trên trong hộ khẩu của hộ bà Hoàng Thị Thu L. Do đó, UBND phường 9 xác nhận nhân khẩu hỗ trợ hộ nghèo chỉ có 02 khẩu là bà Hoàng Thị Thu L và ông Trần Thanh T không có tên ông Trần Thanh B.

Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố đã tính toán dự thảo hộ bà Hoàng Thị Thu L được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 488.339.000 đồng (trong đó: Bồi thường về đất 62.263.000 đồng; Hỗ trợ ổn định đời sống 14.256.000 đồng; Hỗ

trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 300.580.000 đồng; Hỗ trợ khác 111.240.000 đồng).

- Ngày 27/12/2022, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thông qua dự thảo Phương án, bà Hoàng Thị Thu L thống nhất dự thảo Phương án. Tuy nhiên, đến ngày 03/01/2023 bà Hoàng Thị Thu L có đơn gửi Trung tâm Phát triển Quỹ đất, nội dung: Đề nghị tính toán lại việc áp giá đất bồi thường và hỗ trợ hộ nghèo đúng với quy định trước khi có Quyết định thu hồi đất. Ngày 07/3/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất phối hợp với UBND, UBNDTTQVN phường 9, chủ đầu tư (Ban Q) cùng với bà L tổ chức đối thoại đối với các nội dung chưa thống nhất. Qua giải thích các quy định việc tính toán lại việc áp giá đất bồi thường và hỗ trợ hộ nghèo, bà L đã hiểu và thống nhất, không có ý kiến gì.

- Ngày 04/4/2023 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1879/QĐ-UBND phê duyệt Phương án số 07/PA-PTQĐ ngày 17/3/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Hộ bà Hoàng Thị Thu L được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 488.339.000 đồng. Đồng thời, ngày 04/4/2023 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1876/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.073,5m² đất, loại đất chuyên trồng lúa nước của hộ bà Hoàng Thị Thu L.

- Căn cứ Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ngày 06/4/2023 UBND thành phố ban hành Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L với số tiền 488.339.000 đồng.

Như vậy, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L là đúng quy định của pháp luật.

Đối với nội dung hủy Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố về nội dung giá bồi thường, số nhân khẩu hộ nghèo để ban hành lại Bảng tính chi tiết đúng theo quy định của pháp luật là không có cơ sở vì:

Ngày 06/4/2023, UBND thành phố ban hành Quyết định số 1926/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị T1 Lý số tiền 488.339.000 đồng theo Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố cụ thể:

+ Bồi thường về đất: căn cứ Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P tính toán bồi thường diện tích đất 1.073,5 m² với số tiền 62.263.000 đồng;

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: căn cứ điểm b khoản 1 Điều 17, Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P, hỗ trợ ổn định đời sống với số tiền 14.256.000 đồng;

+ Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề: Căn cứ khoản 1 Điều 18 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P, Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm với số tiền 300.580.000 đồng;

+ Hỗ trợ khác: căn cứ Điểm a Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ- UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P, Hỗ trợ khác (Hỗ trợ hộ nghèo) với số tiền 111.240.000 đồng.

Từ các cơ sở trên cho thấy, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố tính toán bồi thường tại Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 về nội dung tính giá bồi thường về đất, số nhân khẩu hộ nghèo đúng theo quy định của pháp luật. Bà Hoàng Thị Thu L yêu cầu hủy Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố về nội dung giá bồi thường, số nhân khẩu hộ nghèo đề ban hành lại Bảng tính chi tiết đúng theo quy định của pháp luật là không có cơ sở giải quyết.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ **UBND phường 9 trình bày:** giữ nguyên nội dung tại Văn bản số 64/UBND ngày 06/6/2023 của UBND phường I, về việc ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu L; thống nhất nội dung UBND thành phố trình bày.

+ **Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T trình bày:** giữ nguyên nội dung tại Văn bản số 177/PTQĐ ngày 01/6/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất; thống nhất nội dung UBND thành phố trình bày.

+ **Ông Trần Thanh B, ông Trần Thanh T, bà Trần Thị Kim H:** thống nhất nội dung trình bày của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm c khoản 1 Điều 143; khoản 1 Điều 6; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 và Điều 358 của Luật Tổ tụng Hành chính; Điều 36 Luật cư trú; *điểm a khoản 7 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên*; Điều 1 khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu L, về các yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L trúng giải tỏa Dự án: Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố T), tại phường I, thành phố T (Đ).

+ Hủy Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T về nội dung giá đất bồi thường, số nhân khẩu hộ nghèo để ban hành lại Bảng tính chi tiết đúng quy định của pháp luật;

+ Hủy Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận TP T), tại Phường I, thành phố T (Đ).

Vì không có căn cứ.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn thành phố T (phần liên quan đến thửa đất thu hồi của bà Hoàng Thị Thu L). Vì người khởi kiện tự nguyện rút yêu cầu.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quy định về thi hành án và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/8/2023, người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 43/2023/HC- ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Ông Trần Thanh B đại diện theo uỷ quyền của bà Hoàng Thị Thu L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Ý kiến của ông Trần Thanh B: thực tế tôi thường xuyên ở với bà L tại nhà bà L; tuy nhiên tôi không có nhập hộ khẩu và đăng ký thường trú tại địa chỉ nhà bà L. Tôi có tên trong Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo liên tục trong các năm 2022, 2023 và 2024. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà L.

Ý kiến của Luật sư Trần Thanh M: ông Trần Thanh B tuy không có nhập hộ khẩu và đăng ký thường trú tại địa chỉ nhà bà L nhưng thường xuyên ở tại nhà bà L và được Ủy ban nhân dân phường I thừa nhận nên đã cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo liên tục trong các năm 2022, 2023 và 2024. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bà L.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh P: tại thời điểm xác nhận nhân khẩu, qua kiểm tra hộ khẩu do gia đình cung cấp và hồ sơ quản lý của Công an thì ông Trần Thanh B không có tên trong hộ khẩu của hộ bà Hoàng Thị Thu L. Vì vậy, UBND phường 9 xác nhận nhân khẩu hỗ trợ hộ nghèo chỉ có 02 khẩu là bà Hoàng Thị Thu L và ông Trần Thanh T không có tên ông B. Tuy nhiên, ông B lại có tên trong Giấy chứng nhận hộ nghèo, cận nghèo là do sai sót của UBND phường I. Do đó, không có căn cứ để

hỗ trợ thêm cho hộ bà L trường hợp của ông B. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà L.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố T, Trung tâm quản lý quỹ đất và UBND phường I: thống nhất như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh P.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa hành chính phúc thẩm được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Về nội dung: trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa, bà L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên không có cơ sở xem xét, quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đây là phiên tòa hành chính phúc thẩm được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ Điều 158 của Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L, Hội đồng xét xử nhận thấy: theo Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo số 37/GCN-HN,HCN ngày 04/01/2022, số 0032/GCN-HN,HCN ngày 04/01/2023 và số 21/GCN-HN,HCN ngày 04/01/2024 của UBND phường I, thể hiện thành viên trong hộ gia đình bà Hoàng Thị Thu L (BL 25) gồm: bà Hoàng Thị Thu L (chủ hộ), sinh năm 1956; ông Trần Thanh B (chồng), sinh năm 1966; anh Trần Thanh T (con), sinh năm 1991. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông Trần Thanh B đều xác nhận ông B và bà Hoàng Thị T1 Lý sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; đến nay ông B chưa nhập khẩu vào hộ gia đình bà L và cũng không đăng ký thường trú tại địa chỉ cư trú của hộ gia đình bà L theo quy định của Luật cư trú. Điều

này phù hợp với Sổ hộ khẩu số 460005822 ngày 11/10/2020 của gia đình bà Hoàng Thị Thu L không có tên ông Trần Thanh B. Đồng thời, tại Văn bản số 08/UBND ngày 09/02/2023 của UBND phường I về việc phúc đáp Công văn số 21/PTQĐ ngày 09/02/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T có nội dung “UBND phường 9 xác nhận nhân khẩu không có tên ông B”; khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ ông Trần Thanh B không được Nhà nước cân đối giao đất sản xuất nông nghiệp trong hộ bà Hoàng Thị Thu L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định đối với việc Giấy chứng nhận hộ nghèo của bà Hoàng Thị Thu L về số nhân khẩu, họ tên, năm sinh của nhân khẩu (ông Trần Thanh B) có sự mâu thuẫn nhau nhưng UBND Phường 9 không ban hành văn bản điều chỉnh Giấy chứng nhận hộ nghèo là có sai sót, cần rút kinh nghiệm là có căn cứ. Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy *Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T tính giá trị Hỗ trợ khác (Hỗ trợ hộ nghèo) cho H1 gia đình bà L gồm 02 nhân khẩu theo Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023; UBND thành phố T ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ là đúng quy định pháp luật. Ý kiến của kiểm sát viên đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, bác yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị Thu L, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.*

[4] Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Do bà Hoàng Thị Thu L thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 36 của Luật cư trú; *điểm a khoản 7 Điều 23 Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND tỉnh P ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:*

1. Bác yêu cầu kháng cáo của bà Hoàng Thị L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2023/HC-ST ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Thu L, về các yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của UBND thành phố T về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với hộ bà Hoàng Thị Thu L trúng giải tỏa Dự án: Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận thành phố T), tại phường I, thành phố T (Đ).

- Hủy Bảng tính chi tiết ngày 17/3/2023 của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố T về nội dung giá đất bồi thường, số nhân khẩu hộ nghèo để ban hành lại Bảng tính chi tiết đúng quy định của pháp luật;

- Hủy Quyết định số 1879/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của UBND thành phố T về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Tiểu Dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn thuộc địa phận TP T), tại Phường I, thành phố T (Đ).

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND tỉnh P về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án thành phần đoạn C - V thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025, đoạn qua địa bàn thành phố T (phần liên quan đến thửa đất thu hồi của bà Hoàng Thị Thu L).

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: bà Hoàng Thị Thu L phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đo vẽ hiện trạng với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), bà Hoàng Thị Thu L đã nộp đủ.

5. Về án phí hành chính: miễn án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm cho người khởi kiện bà Hoàng Thị Thu L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông